

# CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CẢ NƯỚC

## KHU VỰC NÔNG THÔN

### Tháng 5 năm 2011

Đơn vị tính: %

|                                    | CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 5 NĂM 2011 SO VỚI |                        |                         |                        | Bình quân<br>5 tháng<br>năm 2011<br>so với 5<br>tháng<br>năm 2010 |
|------------------------------------|------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------|
|                                    | Kỳ gốc<br>năm 2009                 | Tháng 5<br>năm<br>2010 | Tháng<br>12 năm<br>2010 | Tháng 4<br>năm<br>2011 |                                                                   |
| <b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG</b>        | <b>130,60</b>                      | <b>119,92</b>          | <b>112,14</b>           | <b>102,16</b>          | <b>115,16</b>                                                     |
| I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống      | 140,02                             | 128,39                 | 116,63                  | 102,92                 | <b>120,80</b>                                                     |
| 1- Lương thực                      | 139,86                             | 126,93                 | 110,77                  | 101,79                 | <b>119,31</b>                                                     |
| 2- Thực phẩm                       | 141,43                             | 130,64                 | 119,23                  | 103,44                 | <b>122,28</b>                                                     |
| 3- Ăn uống ngoài gia đình          | 133,96                             | 121,13                 | 114,47                  | 102,34                 | <b>116,73</b>                                                     |
| II, Đồ uống và thuốc lá            | 121,62                             | 112,20                 | 106,71                  | 100,94                 | <b>110,93</b>                                                     |
| III, May mặc, mũ nón, giày dép     | 120,20                             | 111,79                 | 107,07                  | 101,03                 | <b>109,90</b>                                                     |
| IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*) | 140,39                             | 120,37                 | 114,16                  | 103,15                 | <b>116,19</b>                                                     |
| V, Thiết bị và đồ dùng gia đình    | 114,67                             | 109,00                 | 105,20                  | 100,94                 | <b>107,62</b>                                                     |
| VI, Thuốc và dịch vụ y tế          | 108,53                             | 105,75                 | 103,22                  | 100,60                 | <b>104,88</b>                                                     |
| VII, Giao thông                    | 134,77                             | 118,37                 | 117,73                  | 102,65                 | <b>109,81</b>                                                     |
| VIII, Bưu chính viễn thông         | 89,19                              | 94,00                  | 98,23                   | 98,36                  | <b>94,88</b>                                                      |
| IX, Giáo dục                       | 134,67                             | 126,84                 | 106,00                  | 100,29                 | <b>126,00</b>                                                     |
| X, Văn hoá, giải trí và du lịch    | 110,36                             | 106,54                 | 105,17                  | 100,97                 | <b>104,85</b>                                                     |
| XI, Hàng hoá và dịch vụ khác       | 124,70                             | 111,09                 | 106,97                  | 102,20                 | <b>109,66</b>                                                     |

(\*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng